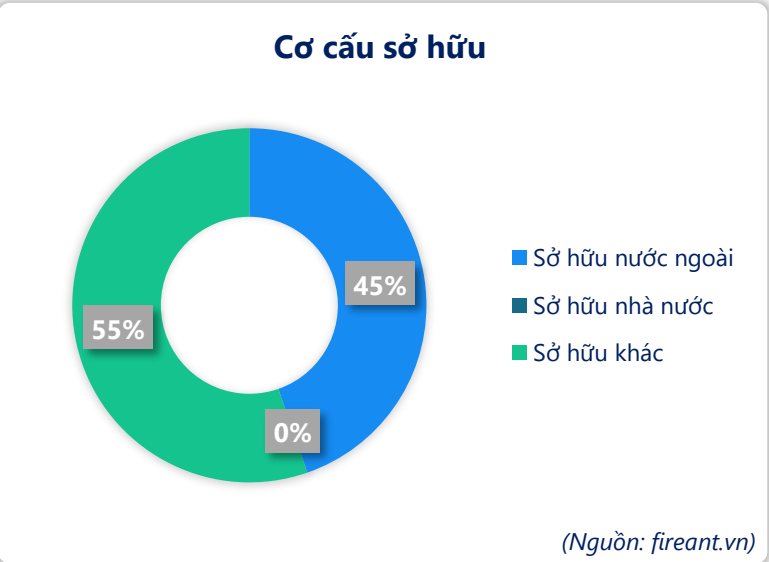
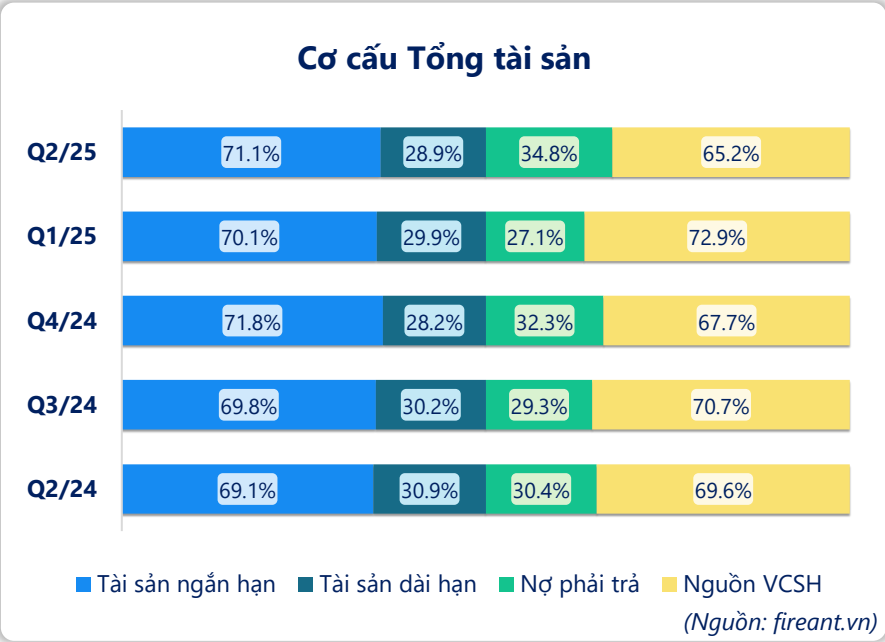
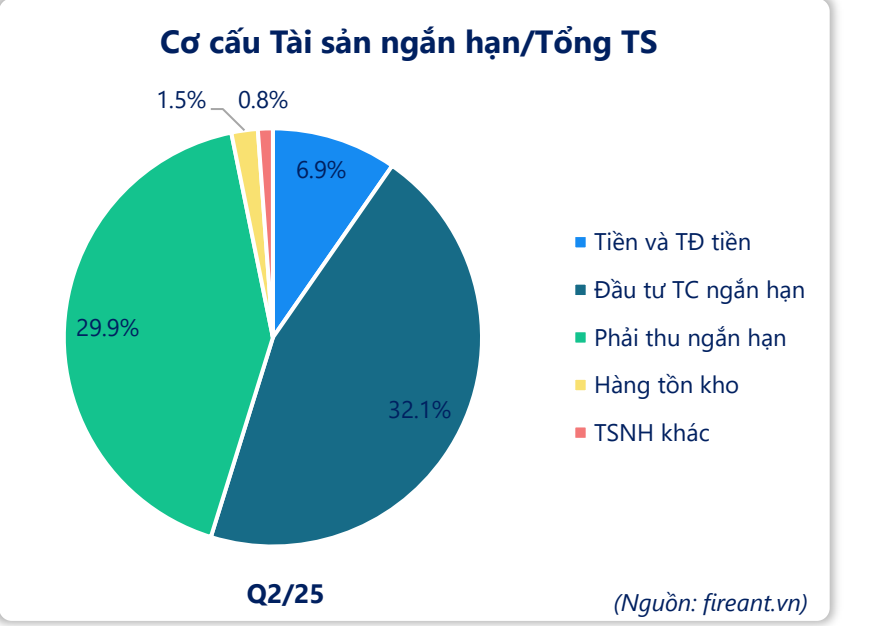
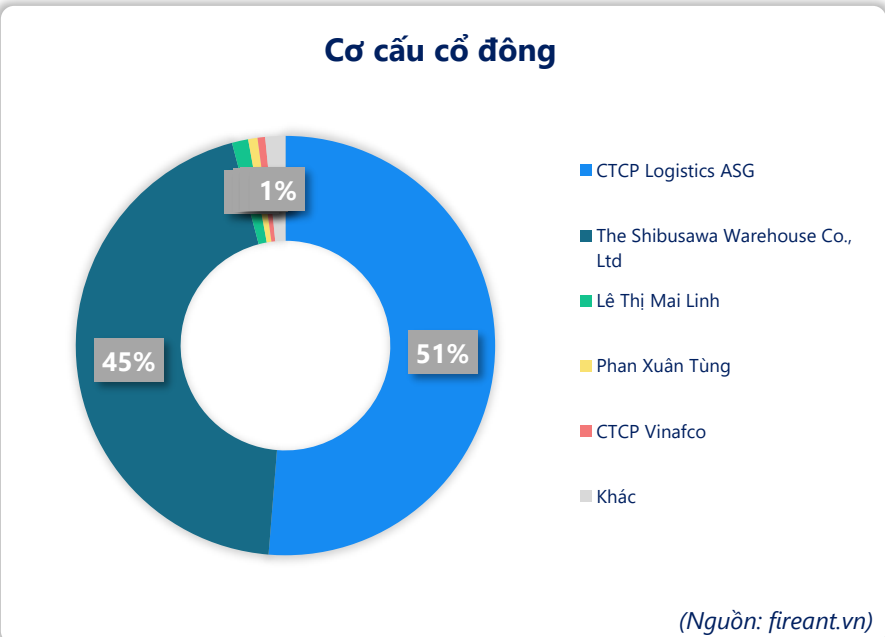
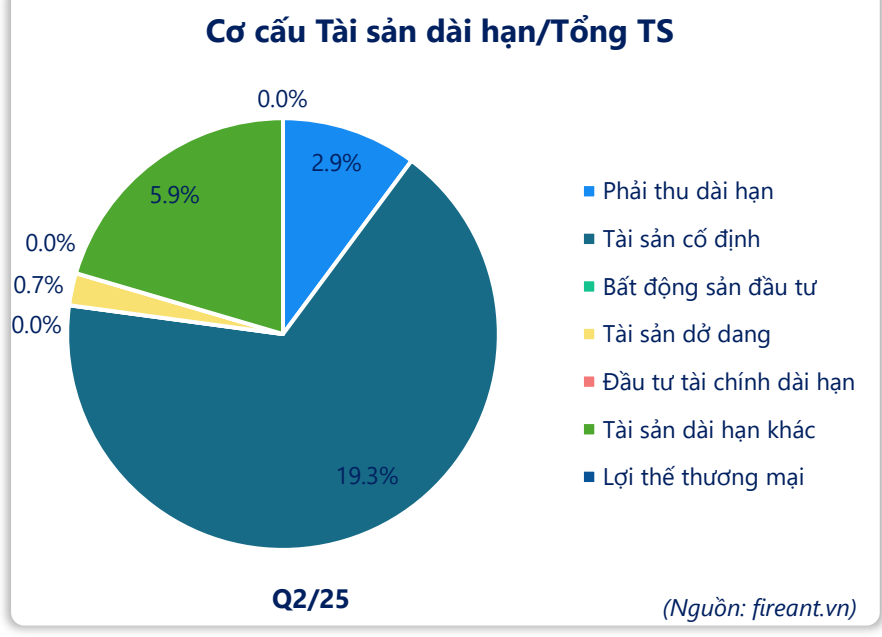
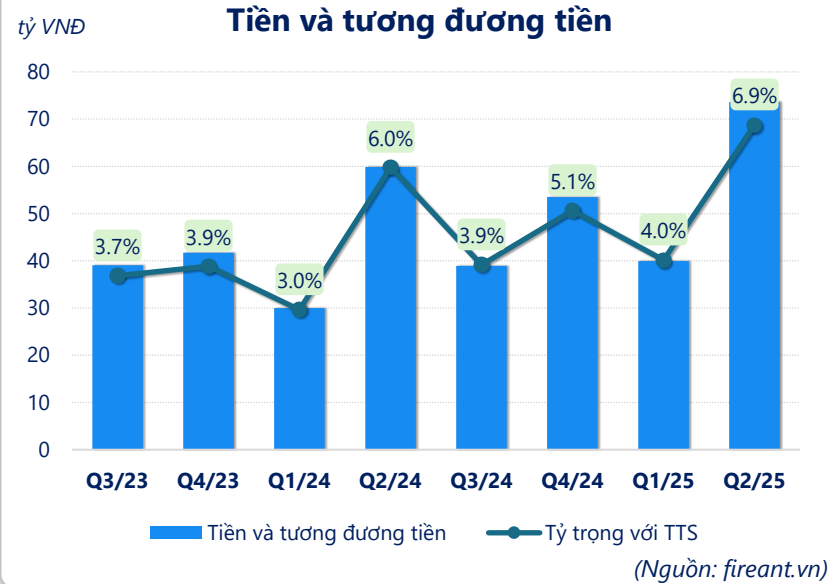
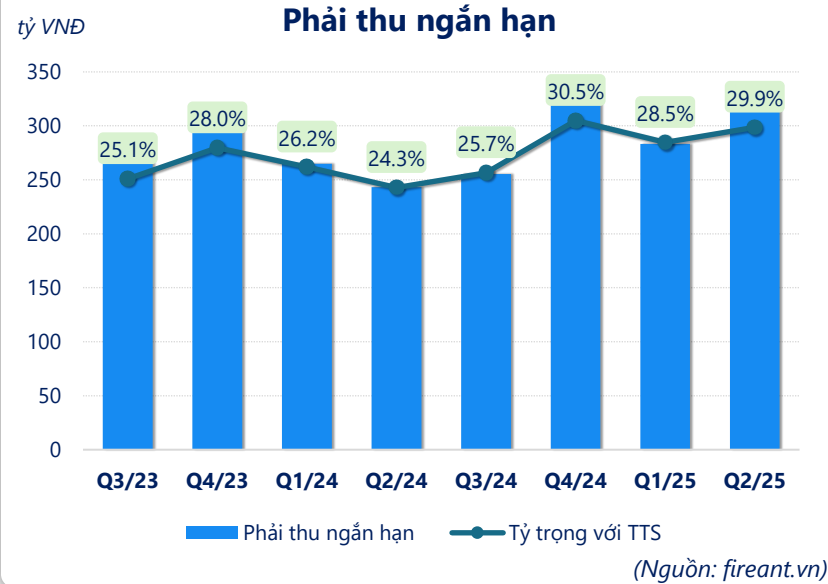
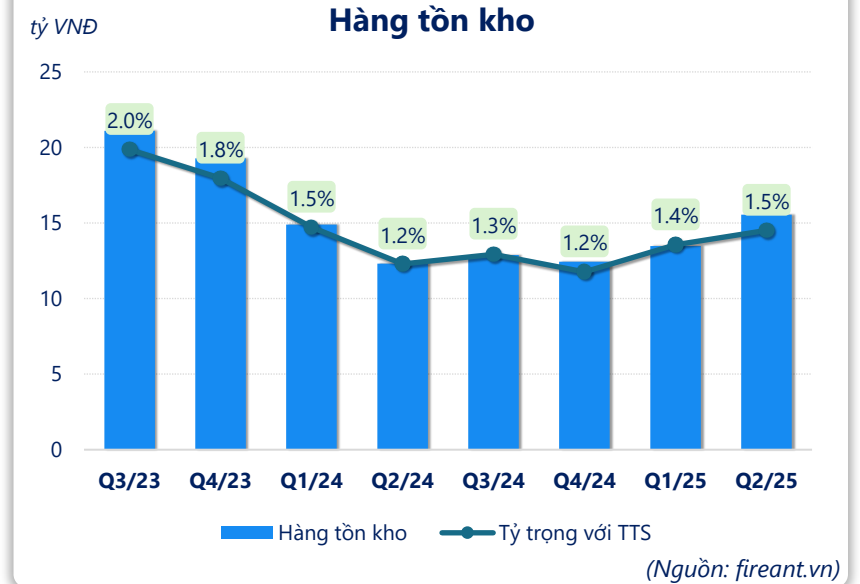
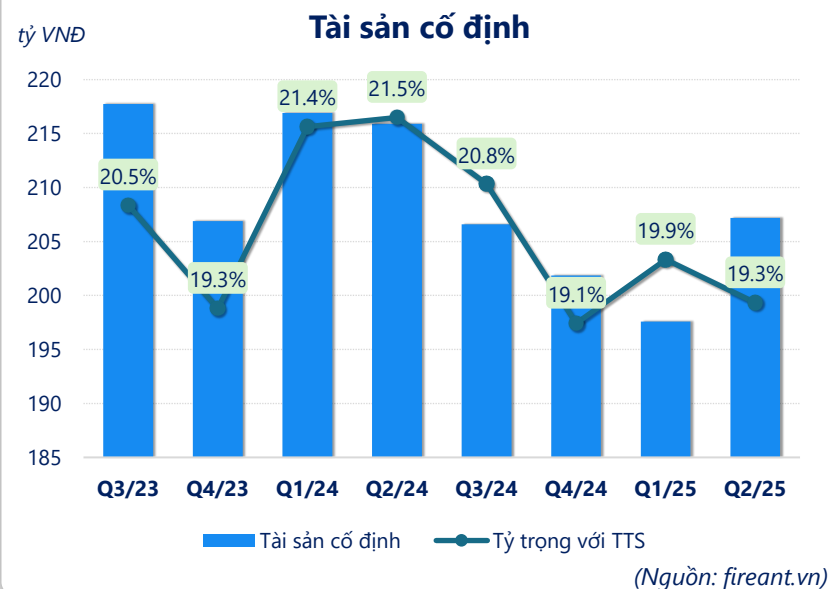
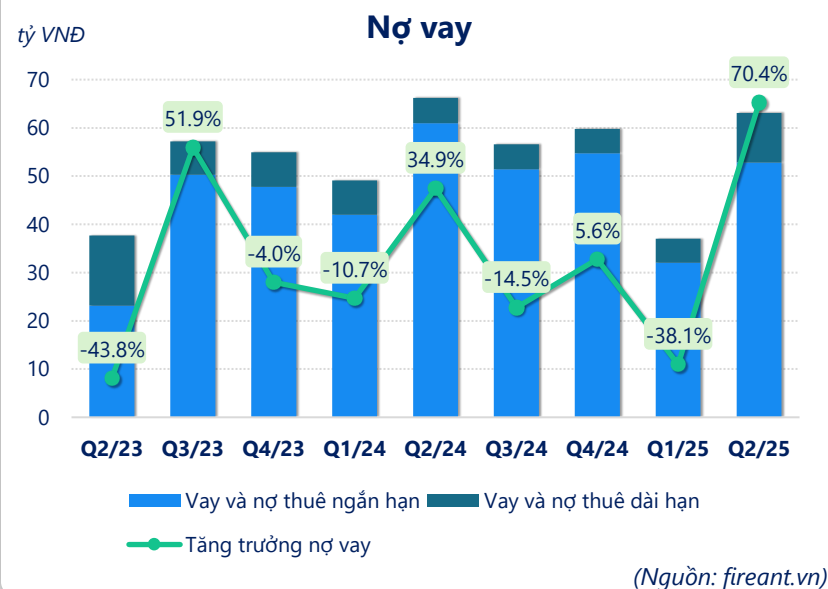
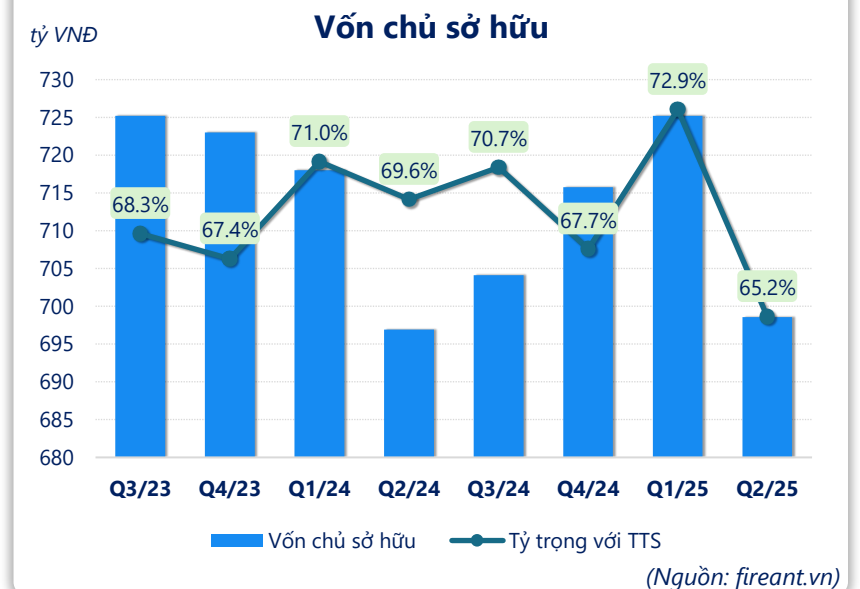
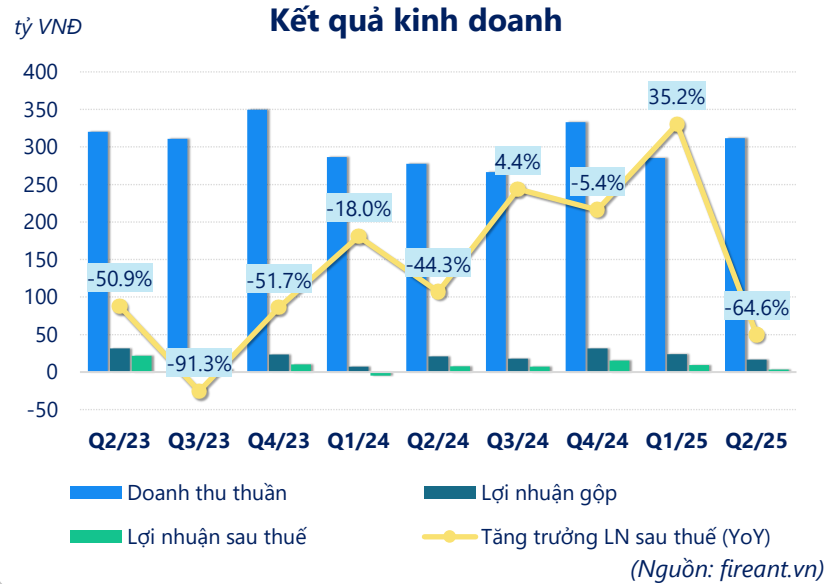
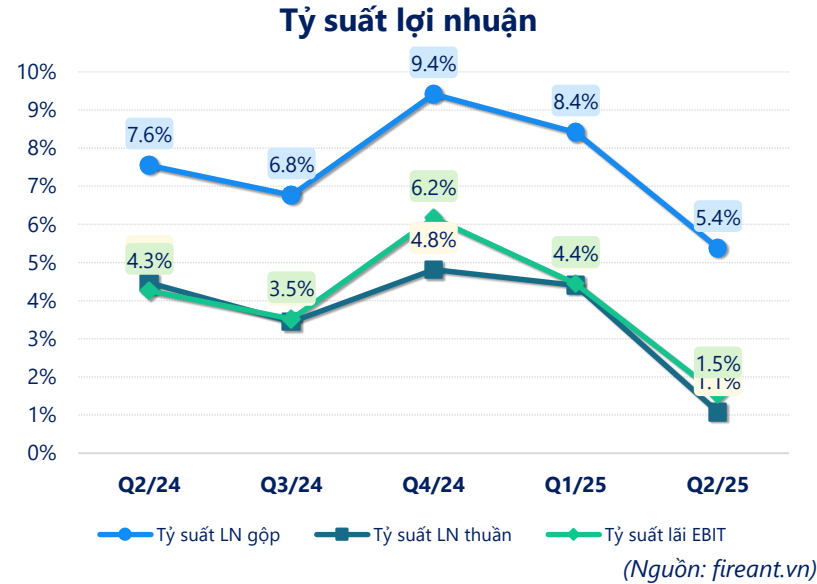
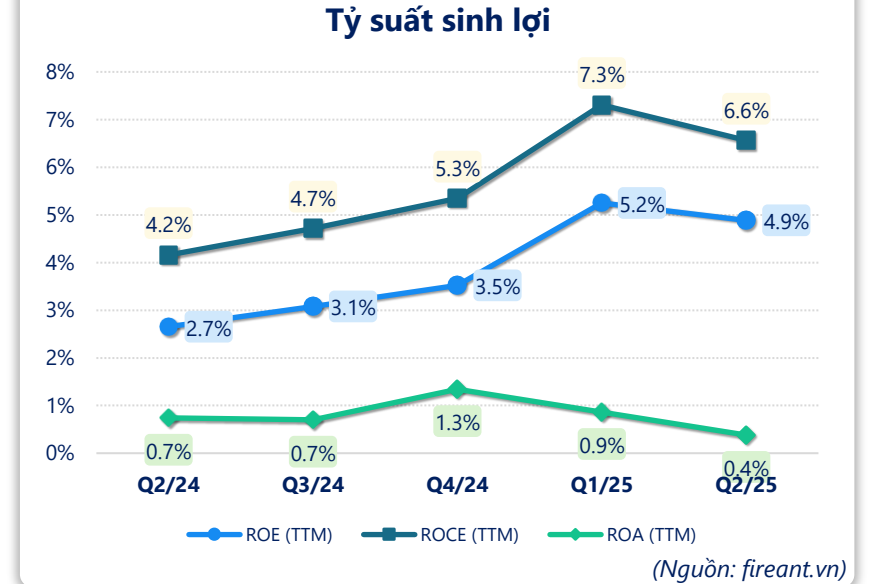
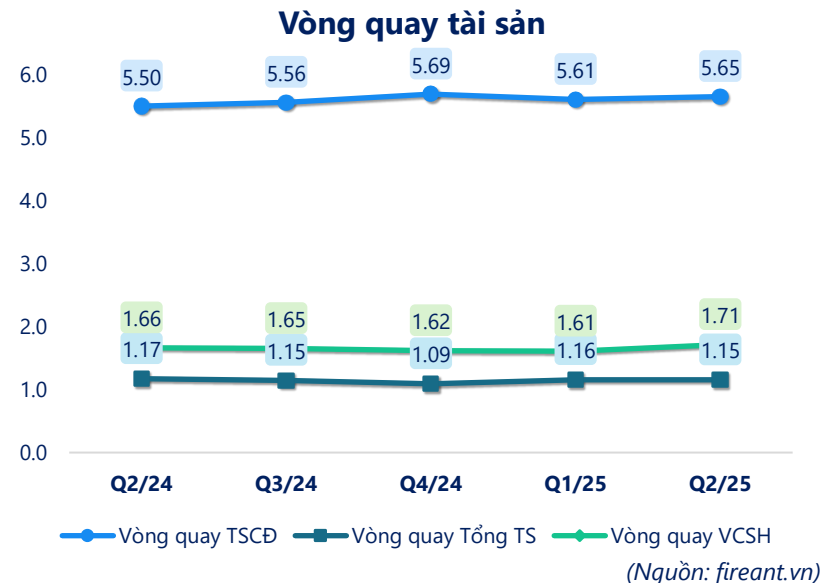
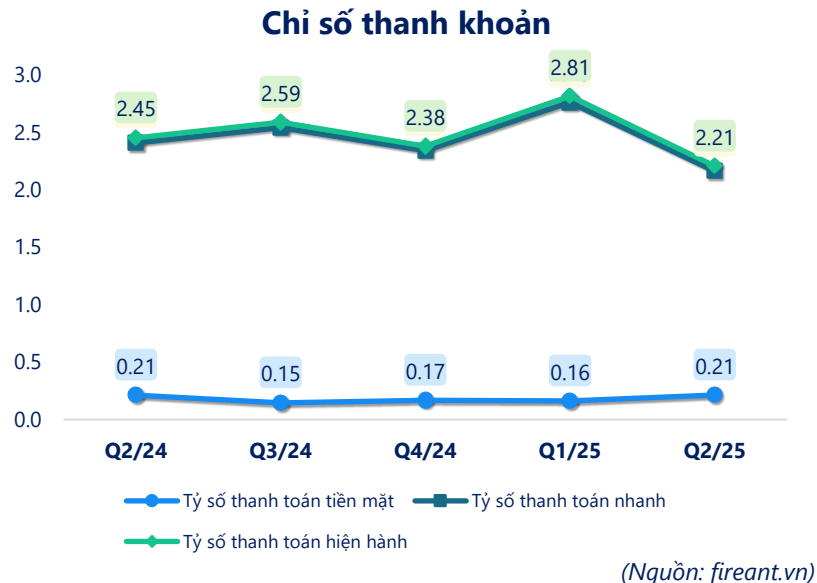
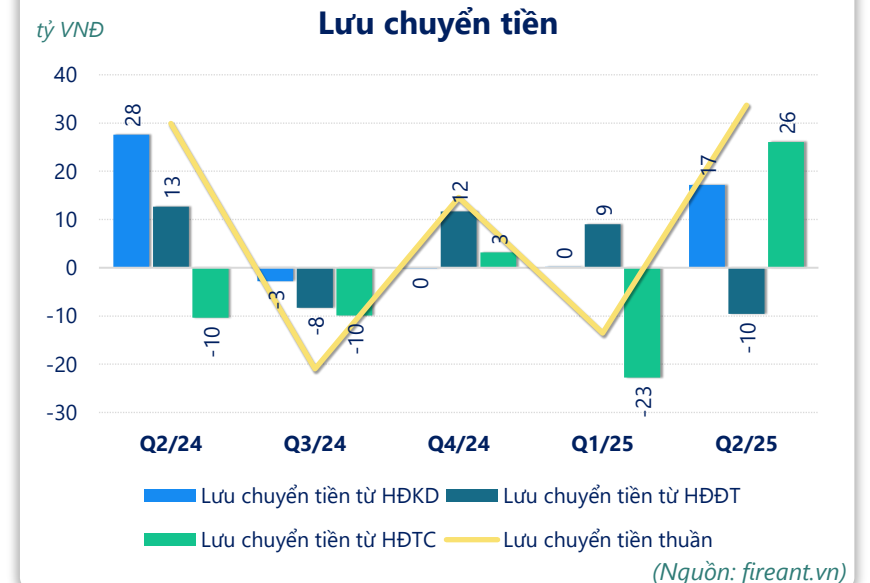


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		107,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		120,203
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		47,247
SL cổ phiếu LH		33,801,062
KLGD BQ 20 phiên (CP)		
% sở hữu nước ngoài		44.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		3,623
P/E		106.3
EPS		1,009

	YTD	1T	3T	6T
VFC	10.1%	0.0%	22.0%	4.9%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,071	1,057	1.4%
Tài sản ngắn hạn	762	758	0.4%
Tiền và tương đương tiền	73.6	53.5	37.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	344	363	-5.2%
Phải thu ngắn hạn	320	322	-0.7%
Hàng tồn kho	15.5	12.4	25.0%
Tài sản ngắn hạn khác	8.80	7.44	18.3%
Tài sản dài hạn	309	298	3.7%
Phải thu dài hạn	31.4	30.6	2.8%
Tài sản cố định	207	202	2.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.48	6.34	18.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	63.3	59.7	6.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	373	341	9.2%
Nợ ngắn hạn	345	319	8.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	52.8	54.7	-3.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	186	198	-6.2%
Nợ dài hạn	27.1	22.1	22.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	10.2	5.04	103%
Nguồn vốn chủ sở hữu	699	716	-2.4%
Vốn chủ sở hữu	699	716	-2.4%
Vốn điều lệ	340	340	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	278	266	333	285	312
Giá vốn hàng bán	257	248	302	261	295
Lợi nhuận gộp	21.0	18.0	31.3	24.0	16.8
Doanh thu HĐTC	4.85	4.27	5.49	4.90	5.50
Chi phí TC	0.90	0.72	0.79	0.62	0.71
Chi phí lãi vay	0.76	0.66	0.70	0.57	0.64
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	12.5	12.4	20.0	15.7	18.2
LN thuần từ HĐKD	12.4	9.18	16.0	12.5	3.36
Lợi nhuận khác	-1.33	-0.47	3.81	-0.44	0.82
LN trước thuế	11.1	8.71	19.8	12.1	4.18
Lợi nhuận sau thuế	7.78	7.21	15.2	9.45	3.15
LNST của CĐ cty mẹ	7.74	7.21	14.3	8.65	3.95

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	27.6	-2.78	-0.24	0.17	17.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	12.6	-8.29	11.7	9.02	-9.54
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-10.3	-9.87	3.15	-22.8	26.1
Tiền đầu kỳ	30.0	59.9	38.9	53.5	39.9
Lưu chuyển tiền thuần	29.9	-20.9	14.6	-13.6	33.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	-0.01	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	59.9	38.9	53.5	39.9	73.6

(Nguồn: fireant.vn)